

Số: 204/BC-TKT

Hưng Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HƯNG YÊN
THÁNG TƯ VÀ BỐN THÁNG ĐẦU NĂM 2026

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng Tư, nhiệm vụ trọng tâm trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh là tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây lúa và rau màu vụ xuân; đồng thời chủ động phòng, chống sâu bệnh hại trên cây ăn quả. Bên cạnh đó, các địa phương tăng cường các biện pháp bảo vệ an toàn đàn gia súc, gia cầm trước những diễn biến của thời tiết và nguy cơ phát sinh dịch bệnh trong thời điểm giao mùa. Đến thời điểm này, hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản toàn tỉnh cơ bản ổn định, cụ thể như sau:

a) Nông nghiệp

Trồng trọt

Cây hằng năm

Đến ngày 20/4/2026, toàn tỉnh cơ bản hoàn thành gieo trồng lúa và cây rau màu vụ xuân theo đúng khung thời vụ. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa đông xuân đạt khoảng 95.500 ha (giảm 1,35% so với cùng kỳ năm trước), diện tích cây rau màu vụ xuân khoảng 24.500 ha. Diện tích gieo trồng lúa và cây rau màu giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng các công trình giao thông, mở rộng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thời điểm này, cây lúa đang trong giai đoạn cuối đẻ nhánh - đứng cái làm đòng, lúa cấy sớm trong giai đoạn đòng già - trổ. Tính đến ngày 20/4/2026, toàn tỉnh có 2.265 ha lúa đã trổ bông. Nông dân các địa phương cần thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh hại trên lúa. Ước toàn tỉnh có trên 20.000 ha lúa trổ bông trong tháng Tư phải được phun phòng bệnh đạo ôn cổ bông 2 lần.

Cây lâu năm

Từ đầu năm đến nay, điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi cho quá trình ra hoa, đậu quả trên cây ăn quả. Đến thời điểm hiện tại, các loại cây ăn quả trên địa bàn tỉnh sinh trưởng và phát triển tốt. Đối với cây nhãn và vải, đây là hai loại cây chủ lực của tỉnh đang trong giai đoạn ra hoa - đậu quả non. Các nhà vườn cần tập trung chăm sóc cũng như phòng, trừ sâu bệnh trên cây nhãn, vải để tăng năng suất và sản lượng cả vụ.

Chăn nuôi

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm ổn định, không có địa phương nào báo cáo có trường hợp gia súc, gia cầm ốm, chết nghi mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Trong tháng, toàn tỉnh đã cấp phát các liều vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (vắc xin tụ huyết trùng; vắc xin lở mồm long móng; viêm da nổi cục;...). Hoàn thành cấp 35.828 lít hóa chất cho các xã, phường thực hiện phun khử trùng tiêu độc tại cơ sở. Tiến độ đến hết ngày 10/04/2026, có 104/104 xã/phường đã tổ chức tiêm phòng cho đàn vật nuôi; 104/104 xã/phường tổ chức phun khử trùng, tiêu độc, lượng hóa chất đã sử dụng là 35.828 lít, diện tích phun được 62.056.000 m² tỷ lệ phun 100%.

Ước tính tại thời điểm 30/04/2026, số lượng đầu con gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh so với cùng thời điểm năm trước như sau: đàn trâu 11.997 con, tăng 0,27%; đàn bò 83.424 con, tăng 0,51%; đàn lợn (không tính lợn con chưa tách mẹ) 997.530 con, tăng 1,91%; đàn gia cầm (bao gồm: gà, vịt, ngan) 23.665 nghìn con, tăng 2,07% (trong đó: đàn gà 17.419 nghìn con, tăng 2,46%).

b) Lâm nghiệp

Trong tháng Tư, sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh không có biến động lớn. Trong kỳ báo cáo, không phát sinh diện tích rừng trồng mới tập trung, không xảy ra cháy rừng, phá rừng; công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được duy trì tốt.

Sản lượng gỗ khai thác trong tháng Tư năm 2026 ước đạt 282 m³, giảm 0,35%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 213 nghìn cây, tăng 1,38% so với cùng kỳ năm trước. Bốn tháng đầu năm 2026, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.545 m³, tăng 0,16%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 716 nghìn cây, tăng 1,02% so với cùng kỳ năm 2025.

c) Sản xuất thủy sản

Sản xuất thủy sản của tỉnh Hưng Yên trong tháng Tư năm 2026 tiếp tục duy trì ổn định và phát triển theo hướng nâng cao hiệu quả, chú trọng bảo vệ môi trường và đa dạng hóa mô hình sản xuất. Bên cạnh việc khai thác thế mạnh nuôi trồng truyền thống, tỉnh đã từng bước mở rộng các đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

Khai thác thủy sản biển: sản lượng thủy sản khai thác biển tháng Tư ước đạt 9.753 tấn, tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 6.205 tấn, tăng 2,97%; tôm 124 tấn, tăng 3,33%; thủy sản khác 3.424 tấn, tăng 2,88%. Ước tính bốn tháng đầu năm 2026, sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 37.536 tấn, tăng 3,60% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 23.490 tấn, tăng 3,72%; tôm 525 tấn, tăng 3,75%; thủy sản khác 13.521 tấn, tăng 3,40%.

Nuôi trồng thủy sản: sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng Tư ước đạt 18.592 tấn, tăng 3,15% so với cùng kỳ. Trong đó: sản lượng cá 8.370 tấn, tăng 3,08%;

tôm 582 tấn, tăng 3,56%; thủy sản khác 9.640 tấn, tăng 3,19%. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 77.201 tấn, tăng 3,65% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 33.127 tấn, tăng 3,65%; tôm 908 tấn, tăng 3,43%; thủy sản khác 43.166 tấn, tăng 3,66%.

2. Sản xuất công nghiệp

So với tháng trước, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Tư tăng 1,77%, trong đó: khai khoáng giảm 0,24%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,45%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,54%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 26,89%. Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng cao so với tháng trước như: mạch in khác tăng 51,06%; loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng 44,58%; tôm đông lạnh tăng 27,45%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm tăng 12,14%; điện sản xuất tăng 10,24%; khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp tăng 9,25%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác tăng 9,06%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 7,75%; sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, dạng cuộn, có chiều rộng $\geq 600\text{mm}$, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng tăng 19,70%; sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác tăng 3,84%;... Bên cạnh đó, một số sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với tháng trước như: giày, dép có đế hoặc mũ bằng da giảm 17,80%; mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền giảm 10,3%; thức ăn cho gia cầm giảm 8,5%; đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser chưa ghi giảm 5,51%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) giảm 3,96%; quần áo các loại giảm 3,45%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% giảm 3,21%; thép hợp kim khác dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 14,66%; thanh, que thép không gỉ, mới được gia công tạo hình nguội hoặc gia công kết nguội giảm 22,90%; thanh, que sắt, thép không hợp kim được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều giảm 2,0%;...

So với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Tư tăng 15,11%, trong đó: khai khoáng tăng 6,97%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,01%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,95%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,22%. Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng so với tháng cùng kỳ năm trước như: loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng 145,39%; tàu đánh bắt thủy hải sản, các loại tàu chuyên dụng tăng 55,13%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ tăng 45,94%; mạch điện tử tích hợp tăng 32,61%; mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền tăng 19,37%; điện thương phẩm tăng 17,46%; bao và túi bằng plastic các loại tăng 76,85%; phụ tùng khác của xe có động cơ tăng 14,07%;.... Bên cạnh đó, một số sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với tháng cùng kỳ năm trước như: bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) giảm 29,09%; giày, dép có đế hoặc mũ bằng da giảm 28,02%; dây cách điện đơn bằng đồng giảm 8,81%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% giảm 8,50%; gỗ ốp, lát công nghiệp giảm 8,20%; máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa $> 10\text{ kg}$ vải khô một lần giặt giảm 4,13%; giày, dép khác chưa được phân vào đâu giảm 1,41%;...

Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 14,66% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tăng 9,85%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,24%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 2,0%; cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,36%. Một số ngành công nghiệp cấp 2 của tỉnh có chỉ số sản xuất tăng như: sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 90,22%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 31,78%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom rạ và vật liệu tết bện tăng 25,03%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 24,54%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 23,04%; sản xuất trang phục tăng 20,29%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 17,92%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 17,08%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 15,69%; ... Bên cạnh đó, có một số ngành công nghiệp có xu hướng giảm hoặc tăng nhẹ như: sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 16,26%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 6,84%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 3,72%; sản xuất xe có động cơ tăng 1,38%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 1,94%;...

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong bốn tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước như: loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng 110,72%; tàu đánh bắt thủy hải sản, các loại tàu chuyên dụng tăng 40,88%; mạch điện tử tích hợp tăng 37,49%; nước khoáng không có ga tăng 33,90%; quần áo các loại tăng 19,13%; thức ăn cho gia cầm tăng 17,03%; mạch in khác tăng 16,02%; dây cách điện đơn bằng đồng tăng 13,61%; sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, dạng cuộn, có chiều rộng $\geq 600\text{mm}$, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng tăng 32,69%; thanh, que thép không gỉ, mới được gia công tạo hình nguội hoặc gia công kết nguội tăng 12,96%; thanh, que thép không gỉ khác tăng 13,33%; ống dẫn bằng sắt, thép không nối, dùng để dẫn dầu hoặc khí tăng 8,48%;.... Các sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: giày, dép có đế hoặc mũ bằng da giảm 21,06%; giày, dép khác chưa được phân vào đâu giảm 18,49%; gỗ ốp, lát công nghiệp giảm 8,33%; đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser chưa ghi giảm 8,24%; sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 1,07%; thép hợp kim khác dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 34,27%;....

3. Hoạt động đầu tư

a) Vốn đầu tư ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trong tháng Tư năm 2026 toàn tỉnh ước đạt 3.368 tỷ đồng, tăng 44,98%, tương ứng tăng 1.045 tỷ đồng so với tháng cùng kỳ năm 2025. Trong đó: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 1.937 tỷ đồng, tăng 52,16%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã

1.430 tỷ đồng, tăng 36,27%. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý toàn tỉnh ước đạt 10.970 tỷ đồng, tăng 24,34%, tương ứng tăng 2.147 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước và đạt 25,49% kế hoạch năm. Trong đó: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 6.289 tỷ đồng, tăng 31,44%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 4.681 tỷ đồng, tăng 15,92%.

b) Hoạt động đầu tư nước ngoài

Tính đến ngày 25/4/2026, toàn tỉnh có 979 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 17.513,84 triệu USD. Trong đó, từ đầu năm đến ngày 25/4/2026, có 16 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký 206,02 triệu USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: thứ nhất là Nhật Bản có 201 dự án, vốn đăng ký là 6.356,47 triệu USD, chiếm 36,29% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Trung Quốc có 374 dự án, vốn đăng ký 4.520,57 triệu USD, chiếm 25,81% tổng số vốn đăng ký; thứ ba là Hàn Quốc có 213 dự án, vốn đăng ký 2.309,85 triệu USD, chiếm 13,19% tổng vốn đăng ký.

c) Phát triển doanh nghiệp

Tính từ ngày 22/3/2026 đến ngày 21/4/2026, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 575 doanh nghiệp, với vốn đầu tư đăng ký 6.379 tỷ đồng. Các doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong các lĩnh vực: công nghiệp chế biến, chế tạo 112 doanh nghiệp, vốn đăng ký 699 tỷ đồng; bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy 243 doanh nghiệp, vốn đăng ký 918 tỷ đồng; kinh doanh bất động sản 25 doanh nghiệp, vốn đăng ký 3.584 tỷ đồng; vận tải kho bãi 34 doanh nghiệp, vốn đăng ký 137 tỷ đồng; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 28 doanh nghiệp, vốn đăng ký 80 tỷ đồng; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ 17 doanh nghiệp, vốn đăng ký 68 tỷ đồng; giáo dục và đào tạo 16 doanh nghiệp, vốn đăng ký 19 tỷ đồng;... Lũy kế từ ngày 22/12/2025 đến ngày 21/4/2026, toàn tỉnh có 2.109 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với vốn đầu tư đăng ký đạt 18.019 tỷ đồng. Trong đó: ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới nhiều nhất, với 937 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 3.169 tỷ đồng (chiếm 17,59% tổng vốn đăng ký); công nghiệp chế biến, chế tạo 411 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 3.712 tỷ đồng (chiếm 20,60%); xây dựng 187 doanh nghiệp, vốn đăng ký 1.272 tỷ đồng (chiếm 7,06%); hoạt động vận tải, kho bãi 148 doanh nghiệp, vốn đăng ký 787 tỷ đồng (chiếm 4,37%); giáo dục và đào tạo 41 doanh nghiệp, vốn đăng ký 63 tỷ đồng (chiếm 0,35%); kinh doanh bất động sản 77 doanh nghiệp, vốn đăng ký 7.612 tỷ đồng (chiếm 42,25%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 86 doanh nghiệp, vốn đăng ký 204 tỷ đồng (chiếm 1,13%); hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ 63 doanh nghiệp, vốn đăng ký 192 tỷ đồng (chiếm 1,07%);...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng Tư (tính từ ngày 22/3/2026 đến ngày 21/4/2026) là 58 doanh nghiệp. Lũy kế từ ngày 22/12/2025 đến ngày 21/4/2026, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng là 377 doanh nghiệp.

Cũng từ ngày 22/3/2026 đến ngày 21/4/2026, số doanh nghiệp giải thể là 76 doanh nghiệp, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 135 doanh nghiệp. Lũy kế từ ngày 22/12/2025 đến ngày 21/4/2026, toàn tỉnh có 340 doanh nghiệp giải thể và 1.081 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 73 doanh nghiệp giải thể và 263 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, lần lượt chiếm 21,47% tổng số doanh nghiệp giải thể và chiếm 24,33% tổng số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; ngành bán buôn, bán lẻ có 106 doanh nghiệp giải thể và 375 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 31,18% và 34,69%; kinh doanh bất động sản có 22 doanh nghiệp giải thể và 23 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, chiếm 6,47% và 2,13%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có 14 doanh nghiệp giải thể và 49 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 4,12% và 4,53%; giáo dục và đào tạo có 40 doanh nghiệp giải thể và 21 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 11,76% và 1,94%;...

4. Thương mại, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng Tư năm 2026 ước đạt 24.457 tỷ đồng, giảm 3,19% so với tháng trước và tăng 16,51% so cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh ước đạt 99.256 tỷ đồng, tăng 16,48% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Tư ước đạt 12.659 tỷ đồng, chiếm 51,76% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội, giảm 0,10% so với tháng trước và tăng 17,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết các nhóm ngành hàng đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: lương thực, thực phẩm tăng 29,26%; hàng may mặc tăng 7,95%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 5,59%; vật phẩm, văn hóa, giáo dục tăng 57,42%; ô tô con (dưới 9 chỗ) tăng 41,15%; xăng, dầu các loại tăng 27,54%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 36,14%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 27,48%; hàng hóa khác tăng 13,19%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 33,24%. Bên cạnh các nhóm hàng có doanh thu bán lẻ tăng, thì cũng có nhóm hàng có doanh thu bán lẻ giảm so với cùng kỳ năm trước như: nhóm gỗ và vật liệu xây dựng giảm 7,52%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) giảm 7,13%.

Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 49.603 tỷ đồng, tăng 17,80% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết các nhóm ngành hàng có doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước như: lương thực, thực phẩm tăng 26,26%; hàng may mặc tăng 17,54%; đồ dùng, dụng cụ trang

thiết bị gia đình tăng 6,60%; vật phẩm, văn hóa, giáo dục tăng 35,44%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 3,79%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 21,72%; xăng dầu các loại tăng 23,01%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 28,93%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 41,16%; hàng hóa khác tăng 16,82%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 27,90%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng Tư ước đạt 1.276 tỷ đồng, tăng 2,65% so với tháng trước và tăng 12,61% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 36 tỷ đồng, tăng 2,25% so với tháng trước và tăng 10,01% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 1.240 tỷ đồng, tăng 2,66% so với tháng trước và tăng 12,69% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 4 năm 2026, hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể so với tháng trước cũng như cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do các kỳ nghỉ lễ dài ngày diễn ra trong tháng Tư: Giỗ Tổ Hùng Vương (ngày 10/3 âm lịch); kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026) và Ngày Quốc tế Lao động 01/5 nên nhu cầu của người dân đối với các hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng và tụ họp gia đình, bạn bè tăng cao, từ đó kích thích mạnh mẽ nhu cầu tiêu dùng trong lĩnh vực dịch vụ. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 4.951 tỷ đồng, tăng 14,53% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu dịch vụ lưu trú 143 tỷ đồng, tăng 12,38%; doanh thu dịch vụ ăn uống 4.808 tỷ đồng, tăng 14,59%.

Doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành tháng Tư ước đạt 9 tỷ đồng, tăng 33,55% so với tháng trước và tăng 12,21% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng cao so với tháng trước chủ yếu do nhu cầu du lịch tăng mạnh trong các kỳ nghỉ lễ, cùng với điều kiện thời tiết thuận lợi. Tuy nhiên, giá xăng dầu tăng cũng là nguyên nhân tác động trực tiếp đến chi phí vận chuyển - yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong giá tour, làm cho giá tour có xu hướng tăng nhẹ, ảnh hưởng đến quyết định chi tiêu của một bộ phận khách hàng. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 28 tỷ đồng, tăng 13,07% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu ngành dịch vụ khác tháng Tư năm 2026 ước đạt 10.512 tỷ đồng, giảm 7,32% so với tháng trước và tăng 16,12% so với cùng kỳ năm 2025. Diễn biến tăng, giảm doanh thu của một số ngành như sau: dịch vụ kinh doanh bất động sản ước đạt 9.175 tỷ đồng giảm 8,38% so với tháng trước và tăng 16,20% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 485 tỷ đồng, tăng 3,09% so với tháng trước và tăng 12,51% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ giáo dục và đào tạo 200 tỷ đồng, tăng 2,02% so với tháng trước và tăng 17,17% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 259 tỷ đồng, tăng 0,04% so với tháng trước và tăng 19,33% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ nghệ thuật vui chơi và giải trí 75 tỷ đồng, tăng 6,42% so với tháng trước và tăng 29,68% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ khác 318 tỷ đồng, giảm 4,22% so với tháng trước

và tăng 13,51% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 44.674 tỷ đồng, tăng 15,26% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, ngành chiếm tỷ trọng cao nhất là ngành kinh doanh bất động sản - chiếm tới 88,35% tổng doanh thu các ngành dịch vụ và tăng 15,66% so cùng kỳ; ngành dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 11,97%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 11,86%; dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội tăng 13,37%; dịch vụ nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 18,12%; dịch vụ khác tăng 11,18%. Mức tăng trưởng ngành bất động sản so với cùng kỳ năm trước cho thấy niềm tin của nhà đầu tư và nhu cầu thị trường vẫn ở mức khá. Một số dự án quy mô lớn tiếp tục thu hút sự quan tâm như Vinhomes Ocean Park 2, Vinhomes Ocean Park 3, khu đô thị Ecopark, Alluvia City, Centerville,... góp phần bổ sung nguồn cung và kích thích nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, các dự án nhà ở xã hội cũng đang được tỉnh đẩy mạnh triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp.

5. Chỉ số giá

a) Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Tư tăng 1,02%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, duy nhất nhóm giao thông có chỉ số giá giảm 1,08%, các nhóm hàng còn lại đều có chỉ số giá tăng, cụ thể: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,14%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,37%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,51%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,15%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,37%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,21%; thông tin và truyền thông tăng 0,40%; giáo dục tăng 0,05%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,15%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,60%.

So với tháng 12 năm 2025, chỉ số giá tiêu dùng tháng Tư tăng 3,61%. Tất cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ chính đều có chỉ số giá tăng, cụ thể: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,37%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,68%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 1,23%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,44%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,04%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,28%; giao thông tăng 10,94%; thông tin và truyền thông tăng 1,00%; giáo dục tăng 0,16%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,28%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,81%.

So với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng Tư tăng 5,45%. Trong đó: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,41% (lương thực tăng 4,88%; thực phẩm tăng 6,38%; ăn uống ngoài gia đình tăng 7,63%); đồ uống và thuốc lá tăng 5,58%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 3,12%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 7,14%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,53%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,36%; giao thông tăng 10,91%; thông tin và truyền thông tăng 1,25%; giáo dục tăng 1,31%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 4,52%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,55%.

Bình quân bốn tháng đầu năm 2026, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,61% so với cùng kỳ năm trước. Tất cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ chính đều có chỉ số giá tăng. Cụ thể: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,76%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,06%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 2,39%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,26%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,35%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,23%; giao thông tăng 2,90%; thông tin và truyền thông tăng 0,76%; giáo dục tăng 1,22%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,54%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,06%.

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tháng 4/2026 giảm 4,84% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu do giá vàng trong nước điều chỉnh giảm theo diễn biến của giá vàng thế giới. Bình quân tháng 4/2026, giá vàng xấp xỉ 17.315.790 VNĐ/chỉ.

Tháng 4/2026, giá USD trong nước có xu hướng tăng. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ giá USD trên thị trường quốc tế tăng, trong khi nguồn cung ngoại tệ trong nước tương đối ổn định. Bên cạnh đó, chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước góp phần giữ tỷ giá trong nước ổn định, khiến giá USD tăng nhẹ so với tháng trước. Chỉ số giá đồng đô la Mỹ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tháng 4/2026 tăng 0,41% so với tháng trước, tỷ giá chuyển đổi 1 USD xấp xỉ 26.338 VNĐ.

6. Hoạt động vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trên địa bàn tỉnh tháng Tư năm 2026 ước đạt 2.372 tỷ đồng, tăng 0,54% so với tháng trước và tăng 16,12% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 9.624 tỷ đồng, tăng 17,81% so cùng kỳ năm trước. Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu ngành vận tải toàn tỉnh như sau:

a) Hoạt động vận tải hành khách

Vận tải hành khách tháng Tư năm 2026 ước đạt 6 triệu lượt người vận chuyển và 550 triệu lượt người luân chuyển, lần lượt tăng 4,20% về lượt người vận chuyển, tăng 5,16% về lượt người luân chuyển so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước lần lượt tăng 11,75% về lượt người vận chuyển, tăng 12,50% về lượt người luân chuyển; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 428 tỷ đồng, tăng 2,62% so với tháng trước và tăng 15,14% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, vận tải hành khách ước đạt 23,89 triệu lượt người vận chuyển và 2.180 triệu lượt người luân chuyển, lần lượt tăng 13,02% về lượt người vận chuyển và tăng 12,68% về lượt người luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 1.696 tỷ đồng, tăng 14,49% so với cùng kỳ năm trước.

b) Hoạt động vận tải hàng hoá

Vận tải hàng hoá tháng Tư năm 2026 ước đạt 6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển và 1.684 triệu tấn hàng hóa luân chuyển, lần lượt giảm 2,83% về tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 3,94% về tấn hàng hóa luân chuyển so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước lần lượt tăng 4,98% về tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 8,83% về tấn hàng hóa luân chuyển; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.717 tỷ đồng, giảm 0,30% so với tháng trước và tăng 17,10% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, vận tải hàng hoá ước đạt 25,86 triệu tấn vận chuyển và 7.066 triệu tấn luân chuyển, lần lượt tăng 13,51% về tấn hàng hoá vận chuyển và tăng 15,54% về tấn hàng hoá luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 7.053 tỷ đồng, tăng 19,49% so với cùng kỳ năm trước.

c) Dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát

Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng Tư năm 2026 ước đạt 197 tỷ đồng, tăng 3,08% so với tháng trước và tăng 7,50% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 764 tỷ đồng, tăng 8,61% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu bưu chính, chuyển phát tháng tư năm 2026 ước đạt 29 tỷ đồng, tăng 3,61% so với tháng trước và tăng 40,23% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 111 tỷ đồng, tăng 35,56% so với cùng kỳ năm trước.

7. Hoạt động tài chính, ngân hàng

a) Thu ngân sách nhà nước

Thu ngân sách nhà nước tháng Tư ước đạt 6.848 tỷ đồng, giảm 56,52% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Trong đó: thu nội địa 6.218 tỷ đồng, giảm 59,01%; thuế xuất nhập khẩu 630 tỷ đồng, tăng 8,27%. Phần lớn các khoản thu trong tháng đều giảm so với cùng kỳ năm trước như: thu từ doanh nghiệp nhà nước 102 tỷ đồng, giảm 24,19%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 353 tỷ đồng, giảm 37,13%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.866 tỷ đồng, giảm 57,97%; thu thuế thu nhập cá nhân 331 tỷ đồng, giảm 17,85%; các khoản thu về đất 3.213 tỷ đồng, giảm 65,32%;...

Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, thu ngân sách nhà nước ước đạt 25.478 tỷ đồng, giảm 17,96% so với cùng kỳ năm trước và đạt 30,24% kế hoạch năm. Trong đó: thu nội địa 23.300 tỷ đồng, giảm 19,80%; thuế xuất nhập khẩu 2.178 tỷ đồng, tăng 8,84%. Một số khoản thu nội địa ước tính như sau: thu từ doanh nghiệp nhà nước 425 tỷ đồng, tăng 2,83%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.850 tỷ đồng, tăng 1,71%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 9.300 tỷ đồng, giảm 9,73%; thu lệ phí trước bạ 720 tỷ đồng, tăng 39,22%; thuế thu nhập cá nhân 1.460 tỷ đồng, tăng 8,16%; các khoản thu về đất 8.865 tỷ đồng, giảm 36,70%.

b) Chi ngân sách nhà nước địa phương

Chi ngân sách nhà nước địa phương tháng Tư ước đạt 4.260 tỷ đồng, giảm 7,20% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi đầu tư phát triển 1.370 tỷ đồng, giảm 45,26%; chi thường xuyên 2.890 tỷ đồng, tăng 38,43%.

Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, chi ngân sách nhà nước địa phương ước đạt 24.773 tỷ đồng, tăng 21,65% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi đầu tư phát triển 15.601 tỷ đồng, tăng 17,11%; chi thường xuyên 9.172 tỷ đồng, tăng 30,22%. Một số lĩnh vực chi thường xuyên như sau: chi giáo dục, đào tạo 3.109 tỷ đồng, tăng 4,31%; chi sự nghiệp y tế 783 tỷ đồng, tăng 7,21%; chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao 86 tỷ đồng, giảm 27,51%; chi đảm bảo xã hội 2.301 tỷ đồng, tăng 186,44%; chi quản lý hành chính 1.984 tỷ đồng, tăng 16,42%.

c) Hoạt động ngân hàng

Ước tính đến 30/4/2026, nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 315.500 tỷ đồng, tăng 2,0% so với thời điểm 31/12/2025. Trong đó: tiền gửi 311.000 tỷ đồng, tăng 1,23% và chiếm 98,57% tổng nguồn vốn; phát hành giấy tờ có giá 4.500 tỷ đồng, tăng 115,52% và chiếm 1,43%. Dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế ước tính đến thời điểm 30/4/2026 đạt 269.100 tỷ đồng, tăng 1,58% so với thời điểm 31/12/2025. Trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn 191.000 tỷ đồng, giảm 0,39%; dư nợ cho vay trung và dài hạn 78.100 tỷ đồng, tăng 6,75%. Dư nợ cho vay bằng nội tệ 261.000 tỷ đồng, tăng 0,95%; dư nợ cho vay bằng ngoại tệ 8.100 tỷ đồng, tăng 27,06%. Dư nợ tín dụng trong các lĩnh vực được ưu tiên đạt 174.430 tỷ đồng, tăng 1,41% so với thời điểm 31/12/2025. Chia theo lĩnh vực như sau: nông nghiệp, nông thôn 114.200 tỷ đồng, tăng 1,60%; xuất khẩu 1.710 tỷ đồng, tăng 5,56%; doanh nghiệp nhỏ và vừa 53.100 tỷ đồng, tăng 1,24%; công nghiệp hỗ trợ 5.420 tỷ đồng, tăng 1,50%.

Về chất lượng tín dụng: Nợ xấu đến thời điểm 30/4/2026 ước tính là 1.850 tỷ đồng (chiếm 0,69% dư nợ tín dụng), giảm 1,75% so với thời điểm 31/12/2025.

II. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

1. Thực hiện chính sách xã hội đối với thương binh, liệt sỹ

Nhân dịp kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã tặng quà cho người có công và thân nhân người có công đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các Trung tâm trên cả nước với mức quà tặng 5.000.000 đồng/người. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tặng quà người có công và thân nhân người có công đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các Trung tâm trên địa bàn tỉnh (96 người tại 03 trung tâm) với quà tặng 900.000 đồng/người (trong đó, quà tiền mặt 500.000 đồng/người; quà hiện vật 400.000 đồng/người/túi), quà tặng của tỉnh từ nguồn Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh.

2. Hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch

a) Hoạt động văn hoá

Toàn tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực quan kỷ niệm các ngày lễ lớn; các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tham gia liên hoan tuyên truyền lưu động toàn quốc tổ chức tại tỉnh Bắc Ninh, Quảng Ninh, đạt được 01 giải A tiết mục hát múa chèo “Lê Quý Đôn - Tấm gương sáng mãi”, 02 giải B với các tiết mục: Bài hát “Khúc ca ngày hội lớn” và tiết mục độc tấu đàn nhị “Kể chuyện ngày mùa”. Xây dựng kế hoạch tổ chức Lớp tập huấn truyền dạy nghệ thuật Chèo. Hướng dẫn, xây dựng, duy trì phong trào văn nghệ quần chúng, hoạt động Nhà văn hoá, câu lạc bộ tại cơ sở.

Tối ngày 25/4/2026 (tức ngày 9 tháng Ba âm lịch), tại Quảng trường Nguyễn Văn Linh (phường Phố Hiến) đã diễn ra khai mạc Lễ hội Văn hóa dân gian Phố Hiến năm 2026. Lễ hội Văn hóa dân gian Phố Hiến năm 2026 diễn ra từ ngày 25 - 27/4/2026 (tức từ ngày 9 - 11 tháng Ba âm lịch) với nhiều hoạt động phong phú, đặc sắc. Đây là dịp quảng bá hình ảnh Hưng Yên - vùng đất giàu truyền thống văn hóa, thân thiện, năng động; đồng thời tăng cường giao lưu văn hóa, thúc đẩy phát triển du lịch giữa Hưng Yên với các địa phương trong cả nước.

Thư viện tỉnh tổ chức Cuộc thi vẽ tranh theo sách với chủ đề “Hưng Yên trong em” hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4, thu hút 204 học sinh tham gia; viết tin, bài tuyên truyền về hoạt động thư viện; sưu tầm, biên soạn 02 bài giới thiệu sách chuyên đề: Kỷ niệm ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3; kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đăng tải lên website, fanpage, facebook của Thư viện tỉnh; tổ chức xe ô tô Thư viện lưu động phục vụ tại 19 điểm trường thuộc 07 xã, phường trong tỉnh; hoàn thành sưu tầm, biên soạn Thư mục toàn văn về Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn chào mừng kỷ niệm 300 năm ngày sinh của Ông (02/8/1726-02/8/2026).

Về điện ảnh: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh tổ chức 70 buổi chiếu phim (10 buổi lưu động, 60 buổi tại Rạp) phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu giải trí của Nhân dân.

b) Hoạt động thể dục thể thao

Về thể dục thể thao cho mọi người: tỉnh xây dựng kế hoạch phát động toàn dân tập luyện môn bơi, phòng chống đuối nước năm 2026 và tổ chức lớp tập huấn phòng, chống đuối nước trẻ em; kế hoạch mở lớp tập huấn Lân - Sư - Rồng năm 2026; hướng dẫn, kiểm tra các địa phương tổ chức Đại hội TDTT năm 2026; tổ chức thành công Giải Bóng bàn các nhóm tuổi tỉnh Hưng Yên năm 2025; ban hành Điều lệ giải Pickleball năm 2026.

Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp: đoàn thể thao của tỉnh đã tham gia 10 giải thể thao quốc gia, đạt 111 huy chương các loại, trong đó: 27 HCV, 26 HCB, 58 HCD. Đặc biệt, vận động viên Hà Thế Anh (môn Kickboxing) được triệu tập vào Đội tuyển quốc gia tham dự Giải vô địch Kickboxing thế giới “World Cup” năm 2026 tổ chức tại Bangkok, Thái Lan và đã xuất sắc giành được 1 Huy chương Đồng.

c) Hoạt động du lịch

Tham gia Hội nghị xúc tiến, quảng bá du lịch Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026 tại Hà Nội; tham gia Hội chợ VITM Hà Nội năm 2026 và tổ chức chương trình Hội nghị xúc tiến bên lề Hội chợ VITM Hà Nội; hoàn thành sửa chữa 02 biển quảng cáo du lịch Hưng Yên tại phường Sơn Nam và xã Đại Đồng; hoàn thiện 01 phim và 03 trailer quảng bá du lịch Hưng Yên: “Hưng Yên Miền di sản tâm linh và lễ hội”, “Hưng Yên - Vùng đất trải nghiệm, làng nghề và tinh hoa ẩm thực”, “Trải nghiệm Lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung”; phim tổng hợp ẩm thực Hưng Yên; viết tin, bài và đăng tải lên website, Fanpage, Zalo.official, facebook, youtube của Trung tâm Xúc tiến du lịch. Tiếp tục phối hợp với Công an tỉnh thực hiện hỗ trợ người dân ứng dụng dữ liệu dân cư định danh xác thực điện tử trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế số phát triển du lịch gắn với phát triển đặc sản vùng miền.

3. Hoạt động y tế

Công tác phòng, chống dịch bệnh tiếp tục được duy trì và triển khai đồng bộ, trong đó chú trọng tăng cường các hoạt động truyền thông, giám sát và chủ động ứng phó dịch bệnh. Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống các bệnh truyền nhiễm trong mùa Xuân - Hè, đặc biệt là thời điểm giao mùa; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm khác theo đúng quy định chuyên môn. Trong tháng, không ghi nhận bệnh dịch lớn, nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Không ghi nhận ca bệnh truyền nhiễm lạ. Các ổ dịch được giám sát và xử lý kịp thời, hạn chế tối đa ca mắc và tử vong tại cộng đồng. Trong tháng Tư, toàn tỉnh ghi nhận: Tay chân miệng 350 ca; sốt xuất huyết 23 ca; Sởi 07 ca; Ho gà 04 ca; hội chứng Cúm 1.809 ca; Quai bị 10 ca; Thủy đậu 28 ca; Covid-19 là 26 ca. Tình hình cụ thể như sau:

Bệnh Sởi: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 đến nay là 33 ca. Hoạt động phòng chống dịch bệnh, xử lý các ca bệnh Sởi tại các cơ sở giáo dục và cộng đồng được triển khai theo quy định.

Sốt xuất huyết Dengue: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 đến nay là 55 ca.

Bệnh tay chân miệng: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 đến nay là 720 ca. Hoạt động phòng chống dịch bệnh tại các cơ sở giáo dục và cộng đồng được triển khai và duy trì.

Bệnh Covid-19: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 đến nay là 44 ca. Toàn tỉnh duy trì hoạt động giám sát, quản lý theo quy định.

Bệnh Ho gà: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm đến nay ghi nhận 09 ca. Toàn tỉnh vẫn duy trì hoạt động giám sát, quản lý theo quy định.

Hội chứng cúm: lũy kế từ đầu năm đến nay toàn tỉnh ghi nhận 6.667 trường hợp mắc, chủ yếu các chủng gây bệnh là cúm A, cúm B thông thường. Không phát hiện các trường hợp mắc cúm nguy hiểm như cúm A H5N1, H7N9. Hoạt

động giám sát, phát hiện, xử lý nhanh các chùm ca bệnh/ổ dịch; đặc biệt là các ổ dịch phát sinh tại nơi tập trung đông người như trường học, khu công nghiệp, khu du lịch,... được duy trì.

Các bệnh truyền nhiễm lưu hành khác như quai bị, thủy đậu... qua giám sát hiện chưa thấy dấu hiệu bất thường. Các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ xâm nhập khác như cúm gia cầm, đậu mùa khỉ chưa phát hiện ca mắc/nghi mắc trên địa bàn tỉnh.

Tình hình dịch HIV/AIDS: Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình HIV/AIDS được triển khai đồng bộ. Trong tháng, toàn tỉnh phát hiện 03 ca nhiễm HIV mới (số người nhiễm HIV/AIDS còn sống là 3.565 người thuộc 104/104 xã, phường), có 02 người nhiễm HIV tử vong được báo cáo; có 2.310 bệnh nhân hiện đang điều trị ARV tại 11 phòng OPC trên địa bàn tỉnh, 98% bệnh nhân nhiễm HIV điều trị có thể BHYT; Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone tại 13 cơ sở điều trị ngoại trú trong tỉnh là: 1.545 bệnh nhân (Trong đó cơ sở điều trị và điểm cấp phát trên đại bàn tỉnh Thái Bình cũ là: 1.071 bệnh nhân, Hưng Yên cũ là: 474).

4. Công tác vi phạm môi trường, phòng chống cháy, nổ

Trong tháng 4 năm 2026 (từ ngày 26/3/2026 đến ngày 25/4/2026), trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã phát hiện 11 vụ vi phạm môi trường, đã xử lý 07 vụ với số tiền xử phạt 1.804,02 triệu đồng. So với tháng 3/2026, số vụ vi phạm tăng 10 vụ, tăng gấp 10 lần so với tháng trước; số vụ đã xử lý giảm 04 vụ, giảm 36,36%; số tiền xử phạt tăng 1.412,02 triệu đồng, tăng 360,21%. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ vi phạm môi trường ổn định so với tháng 4/2025; số vụ đã xử lý tăng 03 vụ, tăng 75,0%; số tiền xử phạt tăng 1.287,12 triệu đồng, tăng 249,01%. Lũy kế bốn tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh đã phát hiện 23 vụ vi phạm môi trường; đã xử lý vi phạm 33 vụ với số tiền xử phạt 3.019,02 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ vi phạm giảm 50 vụ, tương ứng giảm 68,49%; số vụ vi phạm giảm 23 vụ, giảm 41,07%; số tiền xử phạt giảm 680,80 triệu đồng, giảm 18,40%. Các hành vi vi phạm chủ yếu về đổ chất thải trái phép ra môi trường, xả nước thải, khí thải vượt quy chuẩn,...

Theo số liệu của Công an tỉnh Hưng Yên, từ ngày 15/3/2026 đến ngày 14/4/2026, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã xảy ra 03 vụ cháy (xã Như Quỳnh 01 vụ, xã Thượng Hồng 01 vụ, xã Phụ Dực 01 vụ); không có vụ nổ; làm bị thương 01 người; không có người chết; giá trị thiệt hại về tài sản là 67 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, tổng số vụ cháy nổ tăng 01 vụ, số người bị thương giảm 01 người. Bốn tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh xảy ra 16 vụ cháy, nổ; làm chết 01 người; làm bị thương 02 người; giá trị thiệt hại về tài sản là 1.714 triệu đồng.

5. An toàn giao thông

Theo số liệu của Ban An toàn giao thông tỉnh Hưng Yên, từ ngày 15/3/2026 đến 14/4/2026, toàn tỉnh xảy ra 36 vụ tai nạn giao thông (đường bộ 35 vụ, đường sắt 01 vụ), làm chết 28 người (đường bộ 27 người, đường sắt 01 người), làm bị thương 14 người (đường bộ). So với tháng 3 năm 2026, số vụ tai nạn tăng 01 vụ,

tăng 2,86%; số người chết tăng 02 người, tăng 7,69%; số người bị thương giảm 04 người, giảm 22,22%. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ tai nạn giảm 15 vụ, giảm 29,41%; số người chết tăng 02 người, tăng 7,69%; số người bị thương giảm 25 người, giảm 64,10%. Bốn tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh xảy ra 172 vụ (đường bộ 170 vụ, đường sắt 01 vụ, đường thủy 01 vụ), làm chết 105 người (đường bộ 104 người, đường sắt 01 người), làm bị thương 110 người (đường bộ). So với cùng kỳ năm 2025, số vụ tai nạn giảm 21 vụ, giảm 10,88%; số người chết giảm 08 người, giảm 7,08%; số người bị thương giảm 12 người, giảm 9,84%. Trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê (Ban THĐN);
- Đ/c Bí thư, Phó Bí thư TTTU, TVTU;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Đào Trọng Truyền